TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2026
"V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên.
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Diêu Anh Tuấn.
2. Ông Võ Chí Công.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị An - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2026/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm1996.
Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố V, phường T, thành phố H.
Địa chỉ hiện nay tại Nhật Bản: Ký túc xá Uonuma – Nhà máy N, Công ty cổ phần T1, số 2957 N, thành phố M, tỉnh Niigata (vắng mặt).
Người được nguyên đơn ủy quyền giao, nhận các văn bản tố tụng:
Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Xóm P, xã D, tỉnh Nghệ An.
Theo giấy ủy quyền lập ngày 21/01/2026.
2. Bị đơn: Anh Lương Văn Đ, sinh năm 1994.
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1963.
Nơi cư trú: Xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).
Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1968.
Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường T, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/01/2026 và tại các bản khai (đều đã được Đại sứ quán nước C Nhật Bản chứng thực), nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lương Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2017, tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã N, tỉnh Nghệ An), hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Do đó vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Lương Gia L, sinh ngày 17/5/2017 và Lương Minh Q, sinh ngày 30/9/2019, không ai có con riêng, vợ chồng không nhận nuôi con nuôi.

Hiện nay con chung Lương Minh Q đang được mẹ anh Đ là bà Trần Thị Ú chăm sóc, nuôi dưỡng, còn con chung Lương Gia L chị đang nhờ mẹ chị là bà Huỳnh Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi con chung trưởng thành.

Hiện tại chị đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên chị nhờ bà Ú, bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến khi chị về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Lương Văn Đ: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho thân nhân bị đơn (anh Lương Văn Đ) và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh Lương Văn Đ đều vắng mặt không có lý do.

Chị Lê Thị H không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc hiện nay của anh Lương Văn Đ. Tòa án đã gửi văn bản yêu cầu thân nhân anh Lương Văn Đ (bà Trần Thị Ú là mẹ đẻ của anh Đ) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn anh Lương Văn Đ; yêu cầu bà Ú thông báo cho anh Đ biết chị H đang khởi kiện ly hôn với anh Đ và Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết; đề nghị anh Đ gửi lời khai, yêu cầu cho Tòa án nhưng bà Ú không có ý kiến phản hồi gì. Do đó Tòa án đã xác minh qua bà Ú thì bà Ú cho biết anh Đ hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về với bà qua mạng xã hội và anh Đ đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh Đ, Tòa án khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết. Anh Đ có nói lại với bà nếu chị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đ thì anh Đ đồng ý ly hôn với chị H. Còn địa chỉ của của anh Đ tại nước ngoài thì anh Đ không cung cấp cho bà nên bà không biết được. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến của anh Lương Văn Đ liên quan đến giải quyết vụ án trên cũng như không ai cung cấp thông tin về nơi cư trú, làm việc hiện tại của anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Lê Thị H. Hiện nay chị H đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Chị H và anh Đ có 02 con chung là Lương Gia L, sinh ngày 17/5/2017 và Lương Minh Q, sinh ngày 30/9/2019. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại con chung của chị H, anh Đ là Lương Gia L đang được bà (là bà ngoại của cháu), trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị H đi xuất khẩu lao động và hiện đang sống với bà cho đến nay. Mọi chi phí chăm sóc nuôi dưỡng cháu đều do chị H chu cấp. Nay

chị H có nguyện vọng nuôi con chung là cháu L thì bà đồng ý. Hiện nay chị H đang ở nước ngoài, bà đồng ý chăm sóc cháu cho đến khi chị H về nước. Bà không có yêu cầu gì về chi phí nuôi cháu từ trước cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ú trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Lương Văn Đ. Hiện nay anh Đ đang đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Chị H và anh Đ có 02 con chung là là Lương Gia L, sinh ngày 17/5/2017 và Lương Minh Q, sinh ngày 30/9/2019. Hiện tại con chung của chị H, anh Đ là Lương Minh Q đang được bà (là bà nội của cháu), trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi anh Đ đi xuất khẩu lao động và hiện đang sống với bà cho đến nay. Mọi chi phí chăm sóc nuôi dưỡng cháu đều do anh Đ chu cấp. Nay chị H có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Q thì bà đã thông báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ không đồng ý và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Mặt khác bà cũng có nguyện vọng giao cháu Q cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên nếu Tòa án giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng thì bà cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi chị H về nước. Bà không có yêu cầu gì về chi phí nuôi cháu từ trước cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu thân nhân của anh Đ cung cấp địa chỉ của anh Đ ở nước ngoài cho Tòa án. Thông qua lời khai của bà Ú có căn cứ xác định bị đơn anh Lương Văn Đ hiện đang ở nước ngoài và vẫn thường xuyên liên hệ với gia đình, anh Đ đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H nhưng anh Đ vẫn không gửi ý kiến về cho Tòa án. Do đó, cần xác định đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung của chị H, anh Đ đến lúc con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí nuôi cháu: Bà H1, bà Ú không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn với anh Lương Văn Đ có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Lương Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Công văn số 1585/QLXNC-Đ1 ngày 10/4/2026, của Phòng Q1 - Công an tỉnh N thì anh Lương Văn Đ xuất cảnh ngày 11/10/2023 qua Cửa khẩu S bằng hộ chiếu số P01552214, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị Lê Thị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Lương Văn Đ. Tòa án đã yêu cầu bà Trần Thị Ú là mẹ đẻ anh Đ cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Đ và thông báo cho anh Đ biết Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An đang giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị H, đề nghị anh Đ gửi lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, bà Ú trình bày hiện anh Đ đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng anh Đ không cung cấp địa chỉ hiện nay của anh Đ cho bà nên bà không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh Đ cho Tòa án. Tuy nhiên bà đã thông tin cho anh Đ biết việc chị H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giải quyết vụ án ly hôn với anh Đ nhưng anh Đ không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về cho Tòa án. Do đó Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Đ nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Đ theo quy định của pháp luật. Việc anh Đ không cung cấp địa chỉ và không có ý kiến gì về vụ án gửi cho Tòa án thể hiện anh Đ cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Lương Văn Đ, đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2017, tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã N, tỉnh Nghệ An), hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn. Do đó hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu

phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Do đó vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương xác định quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không thì B cán sự khối không nắm được vì chị H không sinh sống tại địa phương. Mặt khác qua lời trình bày của bà Ú là mẹ đẻ anh Đ xác định hiện tại anh Đ đang ở nước ngoài nhưng bà không biết được địa chỉ của anh Đ ở nước ngoài. Bà đã trao đổi qua điện thoại với anh Đ thì anh Đ đã biết được nội dung chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ thì anh Đ trả lời với bà là đồng ý lý hôn với chị H. Điều đó chứng tỏ anh Đ không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn với anh Đ như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là có căn cứ.

2.2. *Về nuôi con chung*: Chị H, anh Đ có hai con chung là Lương Gia L, sinh ngày 17/5/2017 và Lương Minh Q, sinh ngày 30/9/2019, không ai có con riêng, vợ chồng không nhận nuôi con nuôi.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến khi con chung trưởng thành và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hiện nay chị H và anh Đ đều đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên anh Đ không rõ địa chỉ, còn chị H có nơi cư trú rõ ràng. Hiện nay con chung Lương Minh Q đang được mẹ anh Đ là bà Trần Thị Ú chăm sóc, nuôi dưỡng, còn con chung Lương Gia L chị đang nhờ mẹ chị là bà Huỳnh Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương xác định trong quá trình chăm sóc cháu thì chị H, anh Đ, bà H1, bà Ú đều không ai có hành vi đánh đập, ngược đãi cháu. Mặt khác con chung Lương Gia L có nguyện vọng được ở với chị H và bà H1 cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị H, anh Đ cho đến khi chị H về Việt Nam. Mặt khác qua thông tin bà Ú là mẹ đẻ anh Đ cung cấp thì anh Đ trình bày với bà là anh Đ đồng ý giao cháu L cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Còn con chung Lương Minh Q thì anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời bà Ú cũng có nguyện vọng giao cháu Q cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên nếu Tòa án giao cháu Q cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì bà cũng đồng ý chăm sóc cháu đến khi chị H, anh Đ về nước. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Đ đều vắng mặt không có lý do và cũng không rõ địa chỉ của anh Đ. Do đó để đảm bảo quyền được trực tiếp nuôi con của cha, mẹ, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của chị H, anh Đ được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên khi chị H và anh Đ ly hôn, cần giao hai con chung của chị H, anh Đ cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 là phù hợp.

Trong thời gian chị H ở nước ngoài, giao cháu Lương Gia L cho bà Huỳnh Thị H1 là mẹ đẻ của chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam; giao cháu Lương Minh Q cho bà Trần Thị Ú là mẹ đẻ của anh Đ chăm sóc, nuôi

dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam. Anh Lương Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về chi phí nuôi cháu: Bà Huỳnh Thị H1, bà Trần Thị Ú không yêu cầu chị H, anh Đ thanh toán chi phí chăm sóc cháu nên không xem xét.

2.3. *Về chia tài sản*: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về án phí*: Buộc chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 122; 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung của chị H và anh Đ là Lương Gia L, sinh ngày 17/5/2017 và Lương Minh Q, sinh ngày 30/9/2019, đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

2.2. Trong thời gian chị Lê Thị H ở nước ngoài, giao cháu Lương Gia L cho bà Huỳnh Thị H1 là mẹ đẻ của chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam; giao cháu Lương Minh Q cho bà Trần Thị Ú là mẹ đẻ của anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam.

2.3. Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.5. Về chi phí nuôi dưỡng cháu: Bà Huỳnh Thị H1, bà Trần Thị Ú không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản: Chị Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002014 ngày 25/3/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh N (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Đàn (ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Diên